

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cả
thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017; Luật Đề điều số 79/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều số 60/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 53/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 05/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; đề điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đề;

Căn cứ Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị của Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia tại Tờ trình số 498/TTr-TNNQG ngày 22 tháng 6 năm 2026 về việc phê duyệt Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cả thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cả thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung sau:

I. THỜI KỲ QUY HOẠCH

Thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

II. PHẠM VI

Bao gồm phần diện tích lưu vực sông Cả trên lãnh thổ Việt Nam và vùng hưởng lợi có diện tích tự nhiên 19.839 km², thuộc các tỉnh Nghệ An (11 phường, 118 xã); Hà Tĩnh (2 phường, 42 xã); Thanh Hoá (5 xã) và được phân thành 10 vùng thủy lợi.

(Phân vùng thủy lợi chi tiết như Phụ lục I kèm theo)

III. QUAN ĐIỂM

1. Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống quy hoạch quốc gia, quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi, quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; đồng bộ giữa phát triển hạ tầng thủy lợi với phát triển hạ tầng các ngành khác; kế thừa hệ thống thủy lợi đã đầu tư, xây dựng.

2. Khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn nước, có tầm nhìn dài hạn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ đa ngành, đa mục tiêu, đảm bảo an ninh nguồn nước; phòng, chống thiên tai do nước gây ra, bảo vệ môi trường, sinh thái. Quy hoạch theo hướng “mở” để có thể điều chỉnh, bổ sung linh hoạt theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

3. Đầu tư xây dựng công trình trên dòng chính phục vụ đa mục tiêu; nâng cấp, sửa chữa, hoàn thiện, nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống thủy lợi, giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước trong hệ thống thủy lợi; nâng cao dung tích trữ của các hồ chứa đã có; ưu tiên các công trình phục vụ cho vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, sinh thái tuần hoàn, các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao.

4. Kết hợp hài hòa giữa giải pháp công trình và phi công trình, khuyến khích áp dụng các giải pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, tưới vùng đất dốc, quản lý rủi ro thiên tai. Ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong quy hoạch, xây dựng, quản lý, khai thác công trình thủy lợi, bảo vệ nguồn nước.

5. Huy động đa dạng các nguồn lực, nâng cao tỷ trọng nguồn lực xã hội cho đầu tư xây dựng và quản lý vận hành công trình thủy lợi, phân kỳ đầu tư hệ thống hạ tầng thủy lợi có trọng tâm, trọng điểm. Đảm bảo tính khả thi trong triển khai, phù hợp với khả năng thực tế và nguồn lực thực hiện của đất nước và các tỉnh trên lưu vực.

IV. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển thủy lợi nhằm khai thác, sử dụng tổng hợp nguồn nước lưu vực, có xét đến tác động của biến đổi khí hậu, phát triển công trình thượng nguồn để phục vụ đa mục tiêu; chủ động tiêu, thoát nước cho nông nghiệp kết hợp tiêu cho đô thị, công nghiệp qua hệ thống thủy

lợi; định hướng phòng, chống lũ cho lưu vực sông; góp phần cải thiện môi trường nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh nguồn nước trên lưu vực đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; làm cơ sở xây dựng kế hoạch phát triển thủy lợi hàng năm, 5 năm và dài hạn trên lưu vực.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Tưới, cấp nước

Cấp nước tưới chủ động với tần suất đảm bảo 85% cho khoảng 190.000 ha diện tích lúa 2 vụ, từ 75÷85% đối với các vùng khó khăn về nguồn nước (miền núi, ven biển); cấp nước tưới cho khoảng trên 232.000 ha cây trồng cạn, trong đó khoảng 70% diện tích được cấp nước tưới từ công trình thủy lợi; bảo đảm cấp đủ nước cho khoảng 1,72 triệu gia súc và 47 triệu gia cầm; chủ động cấp, thoát nước cho khoảng 32.000 ha nuôi trồng thủy sản thâm canh tập trung.

Từng bước khắc phục tình trạng hạ thấp mực nước trên dòng chính, đảm bảo khai thác phục vụ đa mục tiêu, trong đó cấp nước chủ động cho các hệ thống thủy lợi vùng Nam - Hưng - Nghi, Diên - Yên - Quỳnh - Đô, hỗ trợ các trạm bơm lấy nước dọc sông Cả...; kết hợp tạo nguồn cấp nước cho sinh hoạt nông thôn, đô thị, công nghiệp...; góp phần cải thiện môi trường nước trong các hệ thống thủy lợi; từng bước kiểm soát tình trạng xâm nhập mặn tại các vùng cửa sông, ven biển.

b) Tiêu, thoát nước

Chủ động tiêu, thoát nước ra sông chính, tăng cường năng lực tiêu bằng động lực phục vụ dân sinh, sản xuất, các khu đô thị, khu dân cư tập trung. Đáp ứng yêu cầu tiêu, thoát nước qua công trình thủy lợi cho khoảng 330.000 ha với tần suất mưa thiết kế 10%; duy trì hợp lý diện tích chứa, trữ, điều hòa nước mưa, nhất là khu vực đô thị, dân cư tập trung.

c) Phòng, chống lũ, ngập úng

Chống lũ với tần suất 1% từ Đô Lương đến Nam Đàn, 0,6% từ Nam Đàn đến Cửa Hội trên dòng chính sông Cả; tần suất 0,6% trên sông La, 2% trên sông Ngàn Sâu, sông Ngàn Phố.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

a) Tưới, cấp nước

Duy trì, nâng tần suất đảm bảo tưới lúa 2 vụ tối thiểu 85%. Tăng tỷ lệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước và nâng tỷ lệ diện tích cây trồng tập trung, có giá trị kinh tế cao được tưới lên 100%. Đảm bảo cấp đủ nước cho gia súc, gia cầm; cấp, thoát nước chủ động cho nuôi trồng thủy sản thâm canh tập trung.

Kết hợp tạo nguồn cấp nước sinh hoạt nông thôn, đô thị, công nghiệp, du lịch, dịch vụ; tạo nguồn cấp nước pha loãng, khắc phục tình trạng ô nhiễm nguồn nước trong các hệ thống thủy lợi; kiểm soát được tình trạng xâm nhập mặn tại các vùng cửa sông, ven biển.

b) Tiêu, thoát nước: Chủ động tiêu, thoát nước qua công trình thủy lợi cho các loại cây trồng, thủy sản và diện tích đất đô thị, công nghiệp.

c) Phòng, chống lũ, ngập úng: Duy trì, từng bước nâng dần mức đảm bảo chống lũ trên sông Cả, sông La, sông Ngàn Sâu, sông Ngàn Phố phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh trên lưu vực.

V. GIẢI PHÁP QUY HOẠCH

1. Giải pháp công trình dòng chính

a) Giải pháp công trình điều hòa nguồn nước ở thượng nguồn

- Hoàn thiện hệ thống kênh mương, đường ống của các công trình hồ chứa phục vụ đa mục tiêu đã xây dựng, như hồ Ngàn Trươi, Bản Mòng.

- Trên sông Hiếu, xây dựng cụm hồ chứa (Nậm Cam, Nậm Cươ, Cô Ba) phía thượng lưu hồ chứa Bản Mòng cấp nước tưới trực tiếp, bổ sung nguồn nước cho hồ chứa Bản Mòng và hạ du sông Hiếu. Nâng cao dung tích hồ chứa Sông Sào cấp nước tưới cho khoảng 4.500 ha lúa, màu và cây công nghiệp; tạo nguồn cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp và tăng khả năng điều tiết cho hạ du sông Hiếu trong mùa khô.

- Trên sông Giăng, xây dựng hồ chứa Thác Muối cấp nước tưới và tạo nguồn nước cho khoảng 3.700 ha lúa, màu, cây công nghiệp và 470 ha nuôi trồng thủy sản; tạo nguồn cấp nước sinh hoạt cho 68.000 người và cấp nước cho chăn nuôi; bổ sung nguồn nước cho hạ du vào mùa khô khoảng 18,5 m³/s; tham gia chống lũ cho hạ du và kết hợp phát điện.

- Trên sông Ngàn Sâu, xây dựng hồ chứa Trại Dơi bổ sung nguồn nước cho đập Sông Tiêm cấp nước tưới ổn định cho 2.500 ha đất canh tác và tham gia cắt giảm lũ cho hạ du.

- Trên sông Ngàn Phố, xây dựng các hồ chứa Đá Gân, Khe Chè, Nước Sốt, Rào Mắc cấp nước tưới trực tiếp, bổ sung tạo nguồn nước cho hạ du trong mùa khô, kết hợp phát điện.

b) Giải pháp khắc phục hạ thấp mực nước

Xây dựng đập dâng sông Lam tại tuyến Xuân Lâm - Khánh Sơn (hạ lưu cống Nam Đàn), đảm bảo dâng mực nước trên dòng chính sông Cả tại cống Nam Đàn từ cao trình +1,15m trở lên, tạo điều kiện thuận lợi cho cống Nam Đàn và các trạm bơm lấy nước từ hạ lưu đập Đô Lương đến đập sông Lam vận hành theo nhiệm vụ thiết kế, cấp đủ nước cho khoảng 29.000 ha đất sản xuất nông nghiệp; khoảng 4.500 ha nuôi trồng thủy sản; kết hợp tạo nguồn nước cấp khoảng 3m³/s cho công nghiệp và sinh hoạt của 22 xã, phường từ hạ lưu đập Đô Lương đến cống Nam Đàn, đồng thời không ảnh hưởng tới khả năng thoát lũ theo thiết kế của hệ thống sông Cả, kết hợp giao thông phục vụ phát triển kinh tế- xã hội các tỉnh trong lưu vực.

2. Giải pháp quy hoạch các vùng

a) Định hướng chung

- Tưới, cấp nước: Cải tạo, nâng cấp, nâng cao dung tích trữ của các hồ chứa đã có; đầu tư xây mới các hồ chứa có khả năng tích trữ và điều hòa nguồn nước liên vùng; xây dựng các công trình kết nối nguồn nước, tạo nguồn cấp nước sinh hoạt, tưới cho vùng đất dốc và các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao. Phát triển

hồ chứa và công trình thủy lợi nhỏ, phân tán tạo nguồn cấp nước tưới cho cây ăn quả, cây công nghiệp, rau màu. Đối với các khu vực nguồn nước khó khăn, đầu tư các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, sử dụng nguồn nước dưới đất, nước mưa, cấp nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất, bố trí các loại cây trồng phù hợp. Sửa chữa, nâng cấp hoàn thiện, nâng cao năng lực của hệ thống thủy lợi, công trình thủy lợi. Bổ sung nguồn nước, cải thiện môi trường nước trong các hệ thống thủy lợi.

- Tiêu, thoát nước: Cải tạo, nâng cấp các công trình đầu mối, nạo vét các trục tiêu, tăng khả năng tiêu, thoát nước. Duy trì không gian chứa, trữ nước cho các khu đô thị, khu dân cư tập trung. Đầu tư xây dựng các công trình tiêu cho khu vực ven biển, khu vực có địa hình thấp, trũng, chịu tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Phòng, chống lũ, ngập úng: Đầu tư xây dựng mới các hồ chứa thượng nguồn để tăng dung tích phòng lũ; củng cố, nâng cấp hoàn thiện hệ thống đê, bảo đảm an toàn chống lũ, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội.

b) Giải pháp tưới, cấp nước

- Vùng Thượng nguồn sông Cả: Cải tạo, nâng cấp 52 công trình (03 hồ chứa, 49 đập dâng) và xây mới 35 công trình (03 hồ chứa, 32 đập dâng) cấp nước tưới cho khoảng 3.630ha, kết hợp tạo nguồn nước nuôi trồng thủy sản, cấp nước sinh hoạt nông thôn. Nguồn nước cấp cho sinh hoạt, đô thị trong khu vực được lấy từ dòng chính sông Cả.

- Vùng Trung lưu sông Cả: Cải tạo, nâng cấp 105 công trình (14 đập dâng, 31 hồ chứa, 60 trạm bơm) và xây mới 11 công trình (hồ chứa Thác Muối, 06 đập dâng, 02 hồ chứa nhỏ, 02 trạm bơm) cấp nước tưới cho khoảng 24.990 ha, kết hợp tạo nguồn nước nuôi trồng thủy sản và cấp nước sinh hoạt nông thôn. Nguồn nước cấp cho sinh hoạt, đô thị, công nghiệp trong khu vực được lấy từ dòng chính sông Cả và hồ chứa Thác Muối.

- Vùng Lưu vực sông Hiếu:

- + Tiểu vùng Thượng sông Hiếu: Cải tạo, nâng cấp 88 công trình (14 hồ chứa, 74 đập dâng), xây mới 03 công trình ở thượng lưu hồ chứa Bản Mòng (hồ chứa Nậm Cam, Nậm Cơm, Cô Ba) và 22 hồ, đập nhỏ cấp nước tưới cho khoảng 5.590 ha, kết hợp tạo nguồn nước nuôi trồng thủy sản và cấp nước sinh hoạt nông thôn. Nguồn nước cấp cho sinh hoạt, đô thị trong khu vực được lấy từ nhà máy nước đập Na Xén, hồ chứa Đồng Càn.

- + Tiểu vùng Trung hạ lưu sông Hiếu: Hoàn thiện hệ thống đầu mối và kênh mương hồ chứa Bản Mòng; cải tạo, nâng cấp 159 công trình (hồ chứa sông Sào, 25 đập dâng, 125 hồ chứa, 08 trạm bơm dọc sông Hiếu) và xây mới 25 công trình (08 đập dâng, 14 hồ chứa, 03 trạm bơm) cấp nước tưới cho khoảng 38.500 ha đất canh tác, kết hợp tạo nguồn nước nuôi trồng thủy sản và cấp nước sinh hoạt nông thôn. Nguồn nước cấp cho sinh hoạt, đô thị, công nghiệp trong khu vực được lấy từ dòng chính sông Dinh và sông Hiếu.

- Vùng Diễn - Yên - Quỳnh - Đô: Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống kênh mương nội đồng của hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An đảm bảo khai thác đa mục

tiêu nguồn nước từ đập Đô Lương; cải tạo, nâng cấp 51 công trình (37 hồ chứa, 3 đập dâng, 11 trạm bơm), cụm 63 trạm bơm nội đồng cấp nước tưới cho khoảng 42.800 ha, kết hợp tạo nguồn nước cho nuôi trồng 7.340 ha thủy sản nước ngọt, 1.147 ha thủy sản nước lợ và cấp nước sinh hoạt nông thôn. Nguồn nước cấp cho sinh hoạt, đô thị, công nghiệp trong khu vực được lấy từ dòng chính sông Cả và hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An.

- Vùng Nam - Hưng - Nghi: Đầu tư hiện đại hoá hệ thống thủy lợi Nam Nghệ An đảm bảo khai thác đa mục tiêu, cấp nước phục vụ 22.650 ha sản xuất nông nghiệp, 4.480 ha nuôi trồng thủy sản, tạo nguồn, cấp nước phục vụ sinh hoạt cho 358.000 người, 8.530 ha diện tích các khu công nghiệp. Cải tạo, nâng cấp 30 công trình (21 hồ chứa, 09 trạm bơm) cùng với hệ thống thủy lợi Nam Nghệ An cấp nước tưới cho 27.830 ha, tạo nguồn nước nuôi trồng thủy sản và cấp nước sinh hoạt nông thôn. Nguồn nước cấp cho sinh hoạt, đô thị, công nghiệp trong khu vực được lấy từ dòng chính sông Cả, sông Cẩm và hệ thống thủy lợi Nam Hưng Nghi.

- Vùng sông Hoàng Mai: Nâng cấp 23 công trình (14 hồ chứa, 09 trạm bơm) và xây mới 02 trạm bơm lấy nước từ kênh của hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An cùng với hệ thống hồ chứa Vực Mầu - Khe Lại cấp nước tưới và tạo nguồn nước nuôi trồng thủy sản cho khoảng 5.640 ha. Nguồn nước cấp cho sinh hoạt, đô thị, công nghiệp trong khu vực được lấy từ hệ thống thủy lợi Vực Mầu - Khe Lại.

- Vùng Nam Đức: Nâng cấp 29 công trình, gồm 07 hồ chứa và 22 trạm bơm cấp nước tưới cho 3.100 ha, kết hợp cấp nước nuôi trồng thủy sản và cấp nước sinh hoạt nông thôn. Nguồn nước cấp cho sinh hoạt, đô thị, công nghiệp trong khu vực được lấy từ dòng chính sông Cả.

- Vùng Lưu vực sông Ngàn Sâu: Xây mới hồ chứa Trại Dơi bổ sung nguồn nước cho đập sông Tiêm và nâng cấp 65 công trình hồ, đập, trạm bơm; xây dựng mới 06 hồ đập vừa và nhỏ cấp nước tưới cho khoảng 11.630 ha, kết hợp cấp nước nuôi trồng thủy sản và cấp nước sinh hoạt nông thôn. Nguồn nước cấp cho sinh hoạt, đô thị, công nghiệp trong khu vực được lấy từ hệ thống thủy lợi hồ chứa Trại Dơi - đập sông Tiêm, hồ chứa Ngàn Trươi và các hồ chứa khác như hồ Đá Hàn, Khe Táy, Khe Trời, Khe Con, Khe Ma Chợ.

- Vùng Lưu vực sông Ngàn Phố: Hoàn thiện hệ thống kênh tưới Hương Sơn đưa nước từ hồ chứa Ngàn Trươi cấp nước tưới cho 2.070 ha; xây mới các hồ chứa Đá Gân, Nước Sốt, Khe Chè, Rào Mắc, Động Tròn và cải tạo, nâng cấp 58 công trình (52 hồ, 04 đập, 02 trạm bơm) cấp nước tưới cho khoảng 9.460 ha, kết hợp cấp nước nuôi trồng thủy sản và cấp nước sinh hoạt nông thôn. Nguồn nước cấp cho sinh hoạt, đô thị, công nghiệp trong khu vực được lấy từ sông Ngàn Phố và đập Cây Trường.

- Vùng hưởng lợi hệ thống Ngàn Trươi: Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống kênh của hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi, hoàn chỉnh hệ thống kênh trục sông Nghèn; nâng cấp 12 hồ, đập nhỏ trong khu vực cấp nước tưới cho 34.540 ha, tạo nguồn cấp nước cho 4.040 ha nuôi trồng thủy sản. Nguồn nước cấp cho sinh hoạt, đô thị, công nghiệp trong khu vực được lấy từ hồ chứa Ngàn Trươi và các hồ đập nhỏ như Xuân Hoa, Cao Sơn, Khe Hao, Đá Bạc, Cửa Thờ - Trại Tiều.

c) Giải pháp tiêu, thoát nước

- Vùng tiêu tự chảy gồm các khu vực thuộc Thượng nguồn, Trung lưu sông Cả, sông Hiếu, sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố, vùng đồi Thanh Chương... tiêu tự chảy dựa theo địa hình vào sông, suối tự nhiên.

- Vùng tiêu bằng công trình:

+ Vùng Nghi Xuân: Nạo vét Rào Mỹ Dương từ Xuân Lĩnh đến Cương Gián tiêu cho 3 xã Nghi Xuân, Tiên Điền, Cổ Đam.

+ Tiểu vùng hữu Thanh Chương (thuộc vùng Trung lưu sông Cả): Nạo vét 09 trục tiêu (Hói Ma Ca, Hói Mang, Hói Am, Hói Téo, Cầu Nậy, Hói Đồng, Hói Gát+Hói Đập Đại, Hói Rèn, Hói Triều); xây dựng kênh cách ly lũ núi (từ xã Kim Bảng đến cuối xã Bích Hào); xây mới 02 trạm bơm (Thanh Lĩnh, Võ Liệt), 03 cống tiêu (Thanh Long, Cầu Nậy, Thanh Giang) kết hợp kênh cách ly lũ núi tiêu cho 4.000 ha thường xuyên bị ngập úng.

+ Vùng Diễn - Yên - Quỳnh - Đô, sông Hoàng Mai: Nạo vét hệ thống trục tiêu kênh Vách Bắc, Bàu Dú, Diễn Hoa, Bình Sơn, Nguyễn Văn Trỗi, sông Bùng và các trục tiêu nhánh; nâng cấp các cống Bàu Dú, Diễn Thủy, Diễn Hải, Trần Diễn Kỷ, Phù Ninh tăng khả năng tiêu thoát cho hệ thống thủy lợi trong vùng; nâng cấp trạm bơm Văn Sơn; nạo vét, chỉnh trang kênh Nhà Lê, sông Hoàng Mơ, sông Thái, sông Hoàng Mai và các trục tiêu khu vực các phường Hoàng Mai, Tân Mai, Quỳnh Mai.

+ Vùng Nam - Hưng - Nghi: Nạo vét, mở rộng các trục tiêu kênh Thấp, kênh Gai, sông Vinh, kênh Hoàng Cẩn, kênh Lam Trà, sông Cẩm, kênh Bắc Vinh, sông Rào Đưng; xây mới kênh cách ly lũ núi Đại Huệ, xây mới các tuyến kênh tiêu thoát nối kênh Thấp với kênh Gai, và kênh Gai ra sông Cả; xây mới hồ điều hòa Hưng Hòa 2, trạm bơm Hói Chùa và các tuyến kênh tiêu T1, T2 tăng khả năng tiêu thoát cho khu vực các phường Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Hưng, Vinh Phú, Vinh Lộc và phụ cận; nâng cấp các trạm bơm hiện có và các cống Nghi Quang, Bến Thủy, xây dựng mới 10 trạm bơm tiêu cho 2.440 ha ở các vùng trũng thấp.

+ Vùng Nam Đức: Nạo vét kênh Ngũ Hoa, kênh cách ly lũ núi Nam Kim.

+ Vùng sông Nghèn: Nạo vét hệ thống kênh trục sông Nghèn và các trục tiêu nhánh kết hợp nâng cấp các cống đảm bảo tiêu thoát cho vùng sông Nghèn.

d) Giải pháp phòng, chống lũ, ngập úng

- Giải pháp công trình thượng nguồn: Vận hành các hồ chứa Bản Vẽ, Ngàn Trươi, Bản Mòng theo quy trình vận hành liên hồ chứa trên sông Cả. Xây dựng mới các hồ chứa để bổ sung dung tích phòng lũ (hồ Thác Muối 150 triệu m³, hồ Trại Dơi 30 triệu m³, hồ Đá Gân 50 triệu m³).

- Nâng cấp, hoàn thiện và xây dựng mới các tuyến đê sông theo quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê và cùng với các hồ chứa ở thượng nguồn phòng, chống được lũ thiết kế.

(Danh mục các công trình dự kiến đầu tư tại Phụ lục II, III kèm theo)

3. Giải pháp phi công trình

Cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; triển khai các giải pháp xử lý vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

Bảo vệ và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, trước hết là rừng đặc dụng và phòng hộ đáp ứng mục tiêu môi trường và kết hợp du lịch sinh thái, giúp điều hòa nguồn nước, phòng, chống giảm nhẹ thiên tai.

Tuân thủ quy trình vận hành và nâng cao hiệu quả phối hợp vận hành các hồ chứa thượng nguồn (Bản Vẽ, Chi Bố, Chi Khê, Bản Mòng, Ngàn Trươi,...) để tham gia phòng, chống lũ và điều hòa nguồn nước cho hạ du sông Cả; rà soát, sửa đổi, điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và đảm bảo an ninh nguồn nước.

Tăng cường công tác quản lý an toàn hồ đập, hiện đại hóa hệ thống quan trắc, cảnh báo, cơ sở dữ liệu về hồ đập, vận hành theo thời gian thực, đảm bảo an toàn công trình và vùng hạ du.

Sử dụng nước tiết kiệm, nâng cao hiệu quả sử dụng nước trên lưu vực: Quản lý giám sát sử dụng nước các hệ thống lớn như Bắc Nghệ An, Nam Nghệ An, Kê Gõ, Ngàn Trươi... bằng công nghệ SCADA; áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho các vùng cây trồng cận có giá trị kinh tế cao.

Tăng cường triển khai công tác điều tra cơ bản, nhiệm vụ khoa học công nghệ về diễn biến lòng dẫn, mực nước, môi trường chất lượng nước, xâm nhập mặn,... phục vụ cấp nước, tiêu thoát nước, an toàn công trình thủy lợi.

Tăng cường thu thập dữ liệu đo đạc khí tượng thủy văn, thủy văn chuyên dùng, khuyến khích áp dụng hình thức thuê dịch vụ cung cấp dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất.

Quản lý, hạn chế khai thác cát sỏi trên lưu vực sông Cả đảm bảo an toàn cho hệ thống đê điều, ổn định lòng dẫn phục vụ cấp nước, tiêu thoát nước. Nghiên cứu sử dụng các vật liệu thay thế cát sỏi trong sông.

Nâng cao nhận thức và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; sắp xếp, bố trí lại dân cư khu vực thường xuyên ngập lũ như vùng hạ lưu sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố, vùng ngoài đê La Giang, vùng đảo Xuân Giang..., các vùng thường xuyên bị xảy ra lũ quét, sạt lở đất và những nơi nguy hiểm có nguy cơ cao thuộc khu vực miền núi phía Tây của tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

(Danh mục các nhiệm vụ phi công trình tại Phụ lục IV kèm theo)

VI. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT

Tổng nhu cầu sử dụng đất để triển khai Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cả thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 ước tính khoảng 4.200 ha, trong đó nhu cầu để nâng cấp, sửa chữa các công trình khoảng 700 ha, xây dựng mới các công trình khoảng 3.500 ha.

VII. DANH MỤC DỰ KIẾN ĐẦU TƯ VÀ PHÂN KỲ ĐẦU TƯ

1. Danh mục công trình, dự án dự kiến đầu tư

Phù hợp với quy hoạch cấp trên và các quy hoạch liên quan thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, như Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ, Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi, Quy hoạch tài nguyên nước và Quy hoạch tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh và Thanh Hóa.

Phù hợp khả năng bố trí, huy động nguồn lực ở trung ương và địa phương đầu tư cho phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi trên lưu vực sông Cả.

Các công trình giải quyết các vấn đề cấp bách về cấp nước, tiêu thoát nước, công trình thuộc các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, công trình khắc phục hạ thấp mực nước, cải thiện môi trường, cấp nước cho vùng khan hiếm nước, cấp nước cho cây trồng có giá trị kinh tế cao, tiêu thoát nước cho khu vực ven biển.

Việc thực hiện các công trình dự kiến đầu tư được cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh giai đoạn đầu tư phù hợp với khả năng nguồn vốn. Mục tiêu, quy mô, địa điểm, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, nhu cầu sử dụng đất của từng dự án, công trình cụ thể sẽ được xác định trong quá trình chuẩn bị đầu tư và quyết định chủ trương đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

2. Phân kỳ thực hiện quy hoạch

Nhu cầu vốn thực hiện quy hoạch khoảng 37.800 tỷ đồng, trong đó đến năm 2030 là 20.100 tỷ đồng, giai đoạn sau năm 2030 là 17.700 tỷ đồng, được huy động, bố trí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn ngoài ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Trường hợp cần thiết phải đầu tư phục vụ phát triển kinh tế xã hội và huy động bố trí được nguồn lực để thực hiện, cơ quan được giao chủ trì thực hiện có thể đề xuất và cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, chấp thuận đầu tư dự án sớm hơn so với thời kỳ quy hoạch.

VIII. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp cơ chế, chính sách

Tăng cường phân cấp, giảm thủ tục hành chính để huy động mọi nguồn lực vào đầu tư, quản lý, vận hành công trình thủy lợi, công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn, công trình phòng, chống thiên tai.

Rà soát, bổ sung quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật đối với công trình thủy lợi, nước sạch nông thôn, cấp nước, tiêu thoát nước.

Bảo vệ và nâng cao chất lượng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng, trồng rừng, quản lý rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ.

Sửa đổi bổ sung các quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng; tưới cho cây trồng cạn, cấp nước sinh hoạt nông thôn.

Rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ, quy trình vận hành các hệ thống công trình và công trình thủy lợi đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

2. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

Rà soát, đánh giá nguồn nhân lực thủy lợi ở địa phương, xây dựng và triển khai kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với từng đối tượng tham gia.

Củng cố, kiện toàn các tổ chức quản lý, vận hành, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị để khai thác hiệu quả và bảo đảm an toàn các công trình thủy lợi.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo chuyên sâu chuyên ngành quản lý vận hành công trình thủy lợi gắn với ứng dụng khoa học và công nghệ hiện đại, chuyển đổi số trong thủy lợi.

3. Giải pháp khoa học công nghệ

Tăng cường ứng dụng công nghệ số, hạ tầng quản trị số, khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại, thông minh vào quản lý, khai thác hạ tầng thủy lợi; quan trắc công trình, kiểm tra, kiểm định, đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước, nâng cao mức đảm bảo an toàn; quan trắc, dự báo, cảnh báo, giám sát diễn biến nguồn nước, số lượng nước, kiểm soát chất lượng nước, cảnh báo thiên tai liên quan đến hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng.

Ứng dụng khoa học công nghệ trong phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm; bảo vệ môi trường nước, kiểm soát chất lượng nước, quản lý, xử lý hiệu quả nguồn gây ô nhiễm nguồn nước công trình thủy lợi.

Áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong công tác dự báo, cảnh báo để nâng cao chất lượng công tác giám sát, dự báo nguồn nước tiến tới vận hành theo thời gian thực.

Nghiên cứu các công nghệ xây dựng, sử dụng vật liệu mới; chuyển đổi sản xuất, áp dụng mô hình tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đặc biệt đối với vùng có nguồn nước hạn chế; áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, hiện đại cho khu vực nông nghiệp sạch, nông nghiệp chất lượng cao, cây trồng có giá trị cao... đảm bảo nâng cao chất lượng nước phục vụ sản xuất, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, khai thác và phát triển bền vững nguồn nước.

4. Giải pháp hợp tác quốc tế

Chủ động tham gia, mở rộng hợp tác quốc tế có hiệu quả về quản lý, khai thác, sử dụng nguồn nước, quản lý, vận hành công trình, hệ thống công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai, thiết lập các cơ chế chia sẻ nguồn nước, giải quyết tranh chấp, xung đột nguồn nước xuyên biên giới.

Tăng cường hợp tác quốc tế, trao đổi, chia sẻ thông tin, chuyển giao công nghệ, chia sẻ kinh nghiệm, chính sách về quản lý, khai thác, sử dụng nguồn nước; huy động nguồn lực quốc tế trong thực hiện đầu tư, xây dựng các công trình thủy lợi ứng phó với biến đổi khí hậu, đảm bảo an ninh nguồn nước.

5. Giải pháp huy động và phân bổ vốn

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế để huy động các nguồn lực (vốn ODA, vay ưu đãi, ngân sách nhà nước, doanh nghiệp, tư nhân, vốn tín dụng, quỹ phòng chống thiên tai...) tham gia đầu tư phát triển hạ tầng thủy lợi theo quy hoạch; thể chế hóa các giải pháp về phân cấp, phân quyền huy động nguồn lực. Ưu tiên bố trí đủ nguồn vốn ngân sách xây dựng các công trình thủy lợi có quy mô vừa và

lớn, phục vụ đa mục tiêu; giải quyết các vấn đề cấp bách của thủy lợi, các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng khó khăn về nguồn nước, thường xuyên chịu tác động của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng.

Tăng cường, khuyến khích và huy động các nguồn lực xã hội hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển, vận hành, khai thác hạ tầng thủy lợi.

6. Giải pháp tổ chức và giám sát thực hiện quy hoạch

Công khai quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cả thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050, tạo sự đồng thuận trong triển khai thực hiện.

Phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành, các địa phương trong lưu vực để thực hiện quy hoạch bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch. Đánh giá thực hiện quy hoạch theo quy định, đề xuất điều chỉnh quy hoạch phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội; phát huy vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát thực hiện quy hoạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Tổ chức công bố quy hoạch, cung cấp dữ liệu có liên quan vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, ủy ban nhân dân các tỉnh thuộc lưu vực sông Cả quản lý và tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả quy hoạch; kiểm tra, đánh giá thực hiện quy hoạch, rà soát, kiến nghị điều chỉnh quy hoạch theo quy định.

Rà soát, điều chỉnh, xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật đối với công trình thủy lợi phòng, chống lũ, cấp nước, tiêu thoát nước.

Chỉ đạo, đôn đốc, tổ chức triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, nâng cao khả năng trữ nước của các hồ chứa thủy lợi; bảo vệ, phát triển, khôi phục rừng phòng hộ đầu nguồn trên lưu vực; lập, điều chỉnh quy trình vận hành các hồ chứa thủy lợi và hệ thống công trình thủy lợi trên lưu vực theo thẩm quyền, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch này và quy định của pháp luật liên quan.

Tăng cường triển khai công tác điều tra cơ bản, nhiệm vụ khoa học công nghệ trên lưu vực sông Cả về diễn biến lòng dẫn, mực nước, môi trường chất lượng nước, xâm nhập mặn,... phục vụ cấp nước, tiêu thoát nước, an toàn công trình thủy lợi.

Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương trong lưu vực triển khai các giải pháp thủy lợi, công trình trên dòng chính sông Cả.

Phối hợp với Bộ Tài chính để bố trí ngân sách nhà nước hàng năm thực hiện Quy hoạch.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh trong lưu vực sông Cả

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức thực hiện quản lý nhà nước đối với hạ tầng thủy lợi theo quy định của pháp luật có liên quan trong phạm vi địa phương; bố trí quỹ đất phục vụ triển khai quy hoạch; bố trí ngân sách đầu tư hạ tầng thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục trưởng Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Giám đốc Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh thuộc lưu vực sông Cả và Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- UBND các tỉnh: Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Lưu: VT, TL (05b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp